

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH CHO HỌC VIÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN
KỲ THI NGÀY 28/9/2025

Địa điểm thi: Trường Đại học Tài chính - Kế toán (Số 02 Lê Quý Đôn, Tư Nghĩa, Quảng Ngãi)

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phòng
1	289001	Lê Hoàng Quỳnh Anh	Nữ	05/01/1985	01 (Phòng diễn giảng)
2	289002	Huỳnh Ngọc Bút	Nam	28/11/1988	01 (Phòng diễn giảng)
3	289003	Nguyễn Văn Cẩn	Nam	25/05/1987	01 (Phòng diễn giảng)
4	289004	Đinh Thị Kiều Diễm	Nữ	28/05/1994	01 (Phòng diễn giảng)
5	289005	Nguyễn Thị Thùy Dung	Nữ	05/07/2001	01 (Phòng diễn giảng)
6	289006	Lê Thị Thanh Gái	Nữ	01/08/1982	01 (Phòng diễn giảng)
7	289007	Lê Thị Lệ Hà	Nữ	22/02/1990	01 (Phòng diễn giảng)
8	289008	Nguyễn Thị Thu Hà	Nữ	10/07/1994	01 (Phòng diễn giảng)
9	289009	Châu Thanh Hằng	Nữ	15/10/1995	01 (Phòng diễn giảng)
10	289010	Võ Việt Thu Hằng	Nữ	26/09/2002	01 (Phòng diễn giảng)
11	289011	Đỗ Hải Hào	Nam	11/09/1993	01 (Phòng diễn giảng)
12	289012	Nguyễn Thị Hải Hiền	Nữ	29/04/1983	01 (Phòng diễn giảng)
13	289013	Phạm Đăng Hoàn	Nam	15/11/1999	01 (Phòng diễn giảng)
14	289014	Võ Quang Hưng	Nam	30/12/1991	01 (Phòng diễn giảng)
15	289015	Nguyễn Thị Minh Hương	Nữ	10/01/1992	01 (Phòng diễn giảng)
16	289016	Lê Quang Huy	Nam	07/12/1994	01 (Phòng diễn giảng)
17	289017	Võ Thanh Khôi	Nam	27/11/1999	01 (Phòng diễn giảng)
18	289018	Phùng Thị Lý	Nữ	14/01/2001	01 (Phòng diễn giảng)
19	289019	Nguyễn Văn Minh	Nam	19/02/1981	01 (Phòng diễn giảng)
20	289020	Trần Viết Minh	Nam	14/12/1985	01 (Phòng diễn giảng)
21	289021	Nguyễn Thị Quỳnh My	Nữ	20/12/1987	01 (Phòng diễn giảng)
22	289022	Lê Lưu An Nguyên	Nữ	14/04/2003	01 (Phòng diễn giảng)
23	289023	Phạm Thị Nguyệt	Nữ	18/11/1984	01 (Phòng diễn giảng)
24	289024	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Nữ	16/06/1995	01 (Phòng diễn giảng)
25	289025	Ôn Vũ Ngọc Quỳnh	Nữ	01/01/1989	01 (Phòng diễn giảng)
26	289026	Đoàn Thị Vy Sa	Nữ	26/01/1988	01 (Phòng diễn giảng)
27	289027	Phạm Nhất Đăng Sa	Nữ	15/09/1989	01 (Phòng diễn giảng)
28	289028	Nguyễn Ngọc Tâm	Nữ	20/12/2001	01 (Phòng diễn giảng)
29	289029	Huỳnh Đại Tân	Nam	09/12/1994	01 (Phòng diễn giảng)
30	289030	Võ Ngọc Thạch	Nam	19/02/1992	01 (Phòng diễn giảng)
31	289031	Nguyễn Đình Thắng	Nam	12/05/1985	01 (Phòng diễn giảng)
32	289032	Nguyễn Văn Thắng	Nam	10/12/1984	01 (Phòng diễn giảng)
33	289033	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Nữ	26/03/1999	01 (Phòng diễn giảng)
34	289034	Hồ Anh Thi	Nữ	26/11/1995	01 (Phòng diễn giảng)
35	289035	Võ Thành Tiền	Nam	10/12/1988	01 (Phòng diễn giảng)

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phòng
36	289036	Châu Lê Bảo Trâm	Nữ	07/11/2001	01 (Phòng diễn giảng)
37	289037	Thượng Tiến Triều	Nam	22/04/1990	01 (Phòng diễn giảng)
38	289038	Võ Thị Trinh	Nữ	09/05/1989	01 (Phòng diễn giảng)
39	289039	Nguyễn Thị Ngọc Vân	Nữ	25/09/1987	01 (Phòng diễn giảng)

Danh sách có 39 thí sinh./.